

Bản án số: 103/2022/HS-PT  
Ngày: 30 - 3 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí.

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu;

Ông Đỗ Minh Nhựt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Xuân Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 357/2021/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Huỳnh Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 129/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Văn T, sinh năm 1994 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 140/L-CSĐT ngày 18/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Nhơn Trạch. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào ngày 06/02/2020, Huỳnh Văn T là nhân viên giao hàng của Công ty cổ phần G (có địa chỉ trụ sở tại số 8, Phạm H, phường M, quận N, Thành phố H) chi nhánh Đại Phước tại địa chỉ: số 2639 Lý Thái Tổ, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai (chưa ký hợp đồng lao động chính thức). Sau khi công ty nhận hàng từ người bán thì điều phối kho và bàn giao cho nhân viên vận chuyển và thao tác trên ứng dụng riêng của công ty để biết những đơn hàng nào đã giao cho nhân viên nào, sau khi nhân viên nhận được đơn hàng sẽ mang giao cho khách hàng và phải thu tiền của khách hàng để gửi lại cho Công ty cổ phần G. Trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 4 năm 2020 đến ngày 07 tháng 05 năm 2020, sau khi được công ty giao các gói hàng cho T đi giao cho các khách tại xã Đ, do muốn có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Công ty cổ phần G giao trên 09 (chín) đơn hàng bao gồm các mã đơn hàng:

1-S52685.MN1.V1.404993464, sản phẩm là kem đặc của khách hàng Mỹ N (không rõ nhân thân), giá trị đơn hàng là 4.240.000đồng; Công ty cổ phần G giao hàng này cho T vào ngày 24/4/2020, T đã giao hàng được cho chị N và nhận tiền.

2-S3269160.BO.MN1.V1.432235574, sản phẩm là quần áo của khách hàng Nguyễn Thị Kim C (sinh năm 1990, trú tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai), giá trị đơn hàng là 3.190.000 đồng; Công ty cổ phần G giao hàng này cho T vào ngày 25/4/2020, T đã giao hàng được cho chị C và nhận tiền.

3-S3269160.BO.MN1.V1.264249602, sản phẩm là quần áo của khách hàng Nguyễn Thị Kim C (sinh năm 1990, trú tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai), giá trị đơn hàng là 1.865.000đồng; Công ty cổ phần G giao hàng này cho T vào ngày 25/4/2020, T đã giao hàng được cho chị C và nhận tiền.

4-S2745184.MN1.V1.325595916, sản phẩm là quần áo của khách hàng Nguyễn Thị Kim C (sinh năm 1990, trú tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai) giá trị đơn hàng là 2.389.000 đồng; Công ty cổ phần G giao hàng này cho T vào ngày 26/4/2020, T đã giao hàng được cho khách hàng và nhận tiền.

5-S741182.MN1.V1CN.315143825, sản phẩm là áo, của khách hàng Dương Thị Hồng Đ (sinh năm 1997, trú tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai),

giá trị đơn hàng là 2.965.000 đồng; Công ty cổ phần G giao hàng này cho T vào ngày 26/4/2020, T đã giao hàng được cho chị Đ và nhận tiền.

6-S2774500.MN1.V1.405144596, sản phẩm là cà phê của khách hàng Trương Thanh P (không rõ địa chỉ), giá trị đơn hàng là 3.550.000 đồng; Công ty cổ phần G giao hàng này cho T vào ngày 27/4/2020, T đã giao hàng được cho anh P và nhận tiền.

7-S2607096.BO.MN1.V1.653131604; sản phẩm là máy khoan pin của khách hàng Dương Văn T1 (sinh năm 1984, trú tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai) giá trị đơn hàng là 1.300.000 đồng; Công ty cổ phần G giao hàng này cho T vào ngày 27/4/2020, T đã giao hàng cho anh T1 nhưng khi kiểm tra hàng anh T1 phát hiện không đúng với mã hàng đã đặt nên anh T1 không nhận hàng, trên đường đi T liền lấy máy khoan pin này bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân.

8-S10679795.BO.MN1.V1.314516940; sản phẩm là nước xịt khoáng của khách hàng Thu T2 (không rõ địa chỉ), giá trị đơn hàng là 1.258.000 đồng; Công ty cổ phần G giao hàng này cho T vào ngày 02/5/2020, T đã giao hàng được cho chị T2 và nhận tiền.

9-S4519320.MN1.V1.423152301, sản phẩm là hạt Điều của khách hàng Lê Thị Cẩm L (sinh năm 1981, trú tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai), giá trị đơn hàng là 570.000 đồng; Công ty cổ phần G giao hàng này cho T vào ngày 07/5/2020, T đã giao hàng và nhận tiền của chị L.

Sau khi giao hàng và nhận tiền xong T thông báo trên hệ thống quản lý của Công ty là 09 đơn hàng trên giao hàng không thành công và lợi dụng quy trình của Công ty đối với những đơn hàng không giao thành công cho khách hàng đều phải đưa về kho để lưu giữ chờ xử lý nên đến cuối ngày T về công ty lấy các vỏ hộp đơn hàng ở Công ty dùng để gói hàng cho khách rồi cho bìa carton và túi nylon vào trong rồi in mã đơn hàng chưa thành công có giá trị đơn hàng thấp hơn và dán trên hộp hàng đó sắp giao cho khách với giá rẻ hơn và giao lại cho Công ty lưu kho. Sau đó, khách hàng đã nhận hàng phản hồi vào hệ thống quản lý của Công ty nhưng T không biết và vẫn báo trên hệ thống quản lý của Công ty 09 đơn hàng trên là khách hẹn lại chưa nhận hàng nên Công ty kiểm tra kho thì vẫn phát hiện đơn hàng này còn lưu giữ tại kho, vào ngày 06/5/2020, đại diện quản lý kho hàng để kiểm tra các đơn hàng mà Huỳnh Văn T đưa về kho thì phát hiện trong đơn hàng trên không có hàng hóa bên trong, mà chỉ có

bìa carton và túi nylon. Nên Công ty đã kiểm tra lại các hóa đơn hàng đã bị chiếm đoạt tổng cộng là 21.327.000 đồng. Sau đó nhiều lần Công ty yêu cầu T hoàn trả số tiền T đã chiếm đoạt của công ty nhưng T vẫn cố tình trốn tránh và không liên lạc được nên đến ngày 06/10/2020, Công ty cổ phần G đã làm đơn trình báo đến Công an xã Đ và Công an xã Đ chuyển giao hồ sơ cùng tang vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch để xử lý theo thẩm quyền.

2. *Tài sản thiệt hại*: Số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt là 21.327.000 đồng.

3. *Vật chứng vụ án*: Cơ quan cảnh sát Điều tra chưa thu hồi được các vỏ đơn hàng là vật chứng trong vụ án do phía Công ty giao hàng tiết kiệm đã hủy bỏ vào thùng rác các vỏ đơn hàng sau khi sự việc xảy ra.

4. *Trách nhiệm dân sự*: Công ty Cổ phần G yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 21.327.000 đồng.

5. *Quyết định của cấp sơ thẩm*:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 129/2021/HS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 468, Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải bồi thường cho Công ty Cổ phần G số tiền 21.327.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0001523 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nhơn Trạch để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

6. *Kháng cáo*:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2021, bị cáo Huỳnh Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chuyển hình phạt tù giam sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

*7. Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

Hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Văn T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chuyển từ hình phạt tù giam sang hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong đó, bị cáo Trung cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là đã bồi thường hết số tiền chiếm đoạt cho bị hại. Đây là tình tiết mới so với những tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bị cáo Huỳnh Văn T là nhân viên của Công ty Cổ phần G, được giao nhiệm vụ giao hàng và thu tiền hàng từ các khách hàng trên địa bàn xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 4 năm 2020 đến ngày 07 tháng 5 năm 2020, sau khi được Công ty giao các gói hàng cho T đi giao cho các khách tại xã Đ, bị cáo T đã chiếm đoạt 09 đơn hàng với tổng số tiền 21.327.000 đồng, số tiền này bị cáo T không nộp về cho Công ty theo quy định mà chiếm đoạt và sử dụng cho cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại cho công ty.

Với hành vi phạm tội nêu trên, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi áp dụng pháp luật cấp sơ thẩm không áp dụng điểm a theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có thiếu sót nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho bị hại hết số tiền đã chiếm đoạt là 21.327.000đ. Xét đây là tình tiết mới để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về phần dân sự:

Tại quyết định của bản án sơ thẩm buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải bồi thường cho Công ty Cổ phần G số tiền 21.327.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0001523 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nhơn Trạch để đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại là Công ty Cổ phần G chi nhánh tại Thành phố H số tiền đã chiếm đoạt là 21.327.000 đồng theo biên bản giao nhận ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại Công ty Cổ phần G chi nhánh tại Thành phố H. Vì vậy, trả lại cho bị cáo số tiền 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0001523 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nhơn Trạch.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm số: 129/2021/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

2. Căn cứ khoản điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án phạt tù.

3. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn T số tiền 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0001523 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nhơn Trạch.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Nhơn Trạch (2);
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Phòng PV06 CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Ngọc Trí**